

Bố Trạch, ngày 19 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các Công ty thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch đang có nhu cầu mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024. Nay thông báo đến các công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm thẩm định giá đáp ứng yêu cầu tham gia gửi hồ sơ năng lực kinh nghiệm thẩm định giá đến bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch

- Thời gian nhận hồ sơ năng lực kinh nghiệm: Từ ngày 19 tháng 6 năm 2024 đến hết ngày 25 tháng 6 năm 2024.

Kính mời nhà thầu quan tâm và đủ điều kiện gửi hồ sơ đáp ứng thẩm định giá đến Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch (Trong giờ hành chính). Địa chỉ: Tổ dân phố 5 – thị trấn Hoàn Lão – huyện Bố Trạch – tỉnh Quảng Bình.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà: Nguyễn Hải Sâm - Cán bộ phòng KHTH, Số điện thoại: 0988.688.242.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty!

Nơi nhận:



- Như trên;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA
HUYỆN BỐ TRẠCH
Nguyễn Tất Thắng

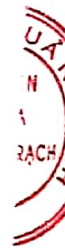
PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời số: 1378/TM-BVĐK ngày 19 tháng 6 năm 2024)

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|--------------------|--|--|-------------|----------------------|
| I Sinh phẩm | | | | |
| 1 | Test nhanh phát hiện các chất gây nghiện (MET/ THC/ MDMA/ MOP) | Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%. Quy cách đóng gói: Hộp 15 test | Test | 4.000 |
| 2 | Thuốc thử chẩn đoán kháng thể kháng liên cầu | Xét nghiệm định tính và bán định lượng chất kháng streptolysin (ASO) trong huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 1 |
| 3 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg | Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Quy cách đóng gói: Hộp 40 test | Test | 500 |
| 4 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Quy cách đóng gói: Hộp 40 test | Test | 250 |
| 5 | Khay thử xét nghiệm định tính phân biệt kháng thể kháng virus HIV-1 và HIV-2 | - Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Độ nhạy: 99.9%; Độ đặc hiệu: 99.6% Quy cách đóng gói: Hộp 40 test | Test | 500 |
| 6 | Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số | Que thử xét nghiệm bán định lượng acid ascorbic, bạch cầu, keton, nitrit, urobilinogen, bilirubin, protein, glucose, trọng lượng riêng, máu và pH trong nước tiểu. Quy cách đóng gói: Hộp/lọ 100 test | Hộp | 240 |
| 7 | Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số | Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose. Quy cách đóng gói: Lọ 100 que | Hộp | 10 |
| II Vi sinh | | | | |
| 8 | Khoanh kháng sinh | Đĩa kháng sinh Amoxicillin 10µg. | Lọ | 1 |


 BỆNH VIỆN
 ĐÀ KH
 JYỆN BỐ


| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|-----|--|---|-------------|----------------------|
| | Amoxicilin 10 μ g (Ax) | Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | | |
| 9 | Khoanh kháng sinh Azithromycin 15 μ g (Az) | Đĩa kháng sinh Azithromycin 15 μ g Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 10 | Canh thang BHI | Môi trường tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. Quy cách đóng gói: Hộp 10 tubex5ml | Tuýp | 20 |
| 11 | Khoanh kháng sinh Cephalixin 30 μ g (Cp) | Đĩa kháng sinh Cephalixin 30 μ g. Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 12 | Khoanh kháng sinh Cloramphenicol 30 μ g (Cl) | Đĩa kháng sinh Cloramphenicol 30 μ g. Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 13 | Khoanh kháng sinh Clarithromycin 15 μ g (Ch) | Đĩa kháng sinh Clarithromycin 15 μ g. Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 14 | Khoanh kháng sinh Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10 μ g (Ac) | Đĩa kháng sinh Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10 μ g. Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 15 | Đỏ metyl (methylred) | Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MR-VP) để thực hiện thử nghiệm Methyl red (MR). Quy cách đóng gói: Lọ 2 ml | Lọ | 10 |
| 16 | Khoanh kháng sinh Gentamicin 10 μ g (Ge) | Đĩa kháng sinh Gentamicin 10 μ g. Quy cách đóng gói: Lọ 50 đĩa | Lọ | 1 |
| 17 | Dung dịch Giêm sa | Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. Quy cách đóng gói: Chai 500ml | Chai | 1 |
| 18 | Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc | Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Quy cách đóng gói: Túi 10 tube | Tuýp | 10 |
| 19 | Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc | Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | Cái | 10 |
| 20 | Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella | Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | Cái | 10 |
| 21 | Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc | Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | Cái | 10 |
| 22 | Môi trường nuôi cấy không | Môi trường nuôi cấy không chọn lọc | Cái | 10 |



| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|-----|---|--|-------------|----------------------|
| | chọn lọc được dùng phân lập vi nấm | được dùng phân lập vi nấm. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | | |
| 23 | Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn để mọc | Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn để mọc. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | Cái | 10 |
| 24 | Môi trường nuôi cấy phân biệt | Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ) của Streptococcus. Quy cách đóng gói: Hộp/10 cái | Cái | 10 |
| 25 | Môi trường nuôi cấy và bảo quản | Môi trường dùng để nuôi cấy và bảo quản vi khuẩn để mọc trong điều kiện 2 – 8 độ C với thời gian tối đa 15 ngày. Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ | Lọ | 10 |
| 26 | Môi trường phát hiện khả năng biến dưỡng | Môi trường dùng để phát hiện khả năng biến dưỡng citrate. Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ | Lọ | 10 |
| 27 | Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động | Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động. Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ | Lọ | 10 |
| 28 | Môi trường thực hiện kháng sinh đồ | Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn để mọc. Quy cách đóng gói: Hộp/ 10 cái | Cái | 10 |
| 29 | Môi trường thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer | Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer. Quy cách đóng gói: Hộp 10 lọ | Lọ | 10 |
| 30 | Dung dịch nhuộm xanh methylen | Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Quy cách đóng gói: Chai 500ml | Chai | 1 |
| 31 | Carbon Fuchsin 500mL | Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Quy cách đóng gói: Chai 500ml | Chai | 2 |
| III | Huyết học | | | |
| 32 | Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu | Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0% Quy cách đóng gói: 1 lít | Chai | 67 |
| 33 | Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu | Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7% Quy cách đóng gói: 500ml | Chai | 37 |
| 34 | Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết | Thành phần chính: Detergent < 4.0% | Chai | 37 |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|-----------|---|---|-------------|----------------------|
| | học trong máu | Buffer < 1.0% Quy cách đóng gói: 500ml | | |
| 35 | Hoá chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học | Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Quy cách đóng gói: 20L | Thùng | 69 |
| 36 | Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học | Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% Quy cách đóng gói: 50ml | Lọ | 16 |
| IV | Hoá chất điện giải | | | |
| 37 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH) | Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH) Thành phần: Ammonium molybdate, Sulphuric acid, Hydrochloric acid Quy cách: (Cal A: 650ml+ Cal B: 200ml) | Hộp | 5 |
| 38 | Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải | Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5% Quy cách: 10x5ml | Hộp | 1 |
| V | Hoá chất miễn dịch | | | |
| 39 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine | Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 8 |
| 40 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine | Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh người Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 8 |
| 41 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH (thyroid stimulating hormone) | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết thanh người Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 2 |
| 42 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do | Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3 (triiodothyronine tự do) trong huyết thanh người. Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 8 |
| 43 | Thuốc thử xét nghiệm định | Thuốc thử xét nghiệm định lượng | Hộp | 8 |



| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|-----------|---|--|-------------|----------------------|
| | lượng thyroxine tự do | FT4 (thyroxine tự do) trong huyết thanh người. Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | | |
| 44 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -Human Chorionic Gonadotropin tự do | Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -hCG trong huyết thanh người. Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Autolumo A1000. Quy cách đóng gói: 100 test | Hộp | 2 |
| 45 | Hóa chất phát quang hoá học trong xét nghiệm miễn dịch | Chất nền phát quang hóa học Quy cách: 110mlx2sets | Hộp | 2 |
| 46 | Nước rửa hệ thống xét nghiệm miễn dịch | Thành phần chính: Phosphate buffer Quy cách: 4x500ml | Hộp | 2 |
| 47 | Dung dịch pha loãng mẫu cho máy miễn dịch | Thành phần chính: Tris-HCl buffer with 0.5% casein Quy cách: 4x250ml | Hộp | 2 |
| 48 | Cóng phản ứng cho máy miễn dịch | Cóng phản ứng Quy cách: 1000 pcs | Hộp | 5 |
| 49 | Dung dịch rửa cho máy miễn dịch | Thành phần chính: Sodium Hydroxide Quy cách: 12x25ml | Hộp | 2 |
| VI | HÓA CHẤT RĂNG | | | |
| 50 | Acid dùng trong trám răng | Gel nhớt màu xanh lam chứa 37% axit phosphoric để khắc men răng và ổn định ngà răng hoặc bề mặt composite trước khi dán. Quy cách đóng gói: Tube 5ml | Lọ | 10 |
| 51 | Vật liệu trám bít ống tủy | Vật liệu trám bít ống tủy răng, điều trị nội nha. Quy cách: Hộp 8g bột, 10g nước | Hộp | 5 |
| 52 | Vật liệu trám tạm | Xi măng trám tạm Ceivitron Quy cách đóng gói: Lọ 30g | Lọ | 15 |
| 53 | Vật liệu trám răng Composite đặc | Là loại composite lai quang trùng hợp sử dụng trong trám bít răng. Sử dụng phục hồi trực tiếp các xoang răng loại I II III IV V vùng răng cửa răng hàm. Quy cách đóng gói: Túi 1 cái 4g | Ống | 300 |
| 54 | Vật liệu trám răng Composite lỏng | Composite lỏng quang trùng hợp, có tính cân xạ cao, độ nhớt cao. Quy cách đóng gói: Túi 1 cái 2g | Ống | 50 |
| 55 | Gel làm mòn men răng trước khi trám răng | Là loại chế phẩm gel dùng để làm mòn men răng trước khi trám răng. Quy cách: Ống 5g | Ống | 15 |
| 56 | Vật liệu trám răng có thành phần dầu Eugenol dùng | Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm tạo thành xi | Lọ | 1 |


 VIỆN
 KHOA
 SỐ TRẠ


| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng |
|-----------------------------|---|---|-------------|----------------------|
| | phối trộn với oxid kẽm tạo thành xi măng tạm thời | măng tạm thời, thể tích tối thiểu 30ml/chai. Quy cách đóng gói: Lọ/30ml | | |
| 57 | Xi măng Glass Ionomer trám răng có cản quang | Xi măng Glass Ionomer trám răng có cản quang. Quy cách đóng gói: Hộp 10g + 5,6ml | Hộp | 8 |
| 58 | Xi măng Glass Ionomer trám răng có cản quang, tăng cường phóng thích Fluoride | Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cản quang dành cho răng. Quy cách đóng gói: Hộp/15g + 6,4ml | Hộp | 15 |
| 59 | Vật liệu trám răng có thành phần hydroxide canxi cản quang và nhựa tương hợp sinh học | Chất che tủy chiếu đèn. Thành phần chính: hydroxide canxi cản quang, có độ cứng cao và nhựa tương hợp sinh học. Quy cách: Tuýp 1,2ml | Tuýp | 50 |
| 60 | Keo dán nha khoa | Sử dụng trong phục hình trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Composite hoặc Ceramic. Sửa chữa các miếng trám composite bị nứt vỡ. Quy cách đóng gói: Lọ | Lọ | 20 |
| 61 | Hóa chất bơm rửa và điều trị tủy | Dùng để rửa và sát trùng tủy trong điều trị nội nha. Thành phần: natri hypochlorit, nước tinh khiết. Quy cách: Chai 500ml | Chai | 10 |
| Tổng cộng : 61 khoản | | | | |

Handwritten signature
